| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 969/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30-9-2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Bùi Thành Trung**

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà **Đặng Thu Vân**

2. Bà **Lại Thị Đắc**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Hiếu** – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà **Phan Tuyết Trinh** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 375/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 04 năm 2019 về "tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 202/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 171/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14/9/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Kim D, sinh năm 1974*;* Nơi cư trú: Đường T, Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Bùi Minh T, sinh năm 1972; Nơi cư trú: Đường T, Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/3/2019, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Bà Võ Thị Kim D và ông Bùi Minh T tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn vào ngày 01/10/2004 tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi có con chung tên Bùi Minh Q, sinh ngày 04/01/2008, hai bên phát sinh mâu thuẫn. Đến năm 2016, hai bên sống ly thân.

Nay, bà D nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Bùi Minh T.

Về con chung: Bà Võ Thị Kim D xác định vợ chồng có 01 (một) con chung tên Bùi Minh Q, sinh ngày 04/01/2008. Bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Võ Thị Kim D xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bà D có đơn yêu cầu được vắng mặt trong các lần triệu tập của Tòa án, ngay cả khi xét xử.

Bị đơn ông Bùi Minh T đã được tống đạt hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt, nên Tòa án không lấy được lời khai của ông T.

Tại phiên tòa, do các đương sự vắng mặt, Chủ tọa phiên tòa công bố tài liệu chứng cứ, lời khai của các đương sự trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự đã chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; Riêng bị đơn chưa chấp hành đúng quy định Điều 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Võ Thị Kim D có đơn đề nghị vắng mặt trong các lần triệu tập của Tòa án và khi xét xử; Bị đơn ông Bùi Minh T được tống đạt hợp lệ hai lần vào các ngày 08/9/2020 và 16/9/2020 để tham gia phiên tòa, nhưng ông T vẫn vắng mặt, không có lý do chính đáng. Căn cứ quy định tại các Điều 207, 227, và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, vụ án không tiến hành hòa giải được, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn khởi kiện của bà Võ Thị Kim D, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 186 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, bà D có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án thụ lý giải quyết tranh chấp về ly hôn và nuôi con theo yêu cầu của một bên.

Do ông Bùi Minh T là bị đơn và có nơi cư trú tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39

của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

[3.1] *Về hôn nhân*:

Bà Võ Thị Kim D, sinh năm 1974 và ông Bùi Minh T, sinh năm 1972, tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 169/2004, Quyển 01, ngày 01/10/2004).

Căn cứ quy định tại các Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và Gia đình, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, hai bên phát sinh mâu thuẫn, sống ly thân nhiều năm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Căn cứ các Điều 19, 51 và 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, yêu cầu của bà D được ly hôn với ông T là có cơ sở để chấp nhận.

[3.2] *Về nuôi con chung*:

Bà Võ Thị Kim D xác định vợ chồng có 01 (một) con chung tên Bùi Minh Q, sinh ngày 04/01/2008 (Giấy khai sinh số 53, Quyển số 01/2008, ngày 19/02/2008 tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh). Từ sau khi ly thân (năm 2016), trẻ Bùi Minh Q sống chung với bà D cho đến nay.

Để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con chung, đúng nguyện vọng của trẻ Bùi Minh Q. Việc giao con chung cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con là phù hợp quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên yêu cầu của bà D có căn cứ để chấp nhận.

[3.3] *Về tài sản chung và nợ chung*:

Bà D xác định vợ, chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết; ông T vắng mặt, không có lời khai yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Tại phiên tòa, ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên có căn cứ để chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do đây là vụ án hôn nhân và gia đình, nguyên đơn yêu cầu giải quyết về ly hôn, quyền nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng. Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Điều 8, Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Kim D.

- Về hôn nhân: Bà Võ Thị Kim D ly hôn ông Bùi Minh T (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 169/2004, Quyển 01, ngày 01/10/2004 tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Về nuôi con chung: Giao con chung tên Bùi Minh Q, sinh ngày 04/01/2008 (theo Giấy khai sinh số 53, Quyển số 01/2008, ngày 19/02/2008 tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh) cho bà Võ Thị Kim D trực tiếp nuôi dưỡng. Không yêu cầu ông Bùi Minh T cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của trẻ, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà D xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà Võ Thị Kim D phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số 0019398 ngày 04/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà D đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***
- TAND Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- UBND Phường 1, Quận 8;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**Bùi Thành Trung**